

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC YÊU CẦU BÁO GIÁ CHO GÓI THẦU MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2024 CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN TRỤ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư y tế năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ

Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Nơi nhận: Khoa Dược – trang thiết bị - vật tư y tế – TTYT huyện Tân Trụ

- Số điện thoại: 02723 681.699

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bảng giấy và file điện tử (Excel và PDF).

- Nhận trực tiếp bảng giấy tại địa chỉ: khoa Dược – trang thiết bị - vật tư y tế – Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ

(Khu phố Tân Bình, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An)

- Nhận file điện tử (Excel;PDF) qua email: ttytantru@longan.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 04 tháng 6 năm 2024 đến 9h ngày 14 tháng 6 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ 14 tháng 6 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị):

Stt	Mã VTYT theo TT04	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng
-----	-------------------	-----------------	-------------	----------

Stt	Mã VTYT theo TT04	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng
Gói thầu số 01: Mua sắm phim X-quang năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ				
1	N07.01.500	Phim XQ Kỹ thuật số 20x25 cm	Tấm	10,000
2	N07.01.500	Phim X-quang khô 26*36	Tấm	7,000
Gói thầu số 02: Mua sắm vật tư y tế thông thường năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ				
1	N02.01.010	Bột bó 7.5cm x 2.7m	Cuộn	600
2	N02.01.010	Bột bó 10cm*2,7m	Cuộn	1,500
3	N02.01.010	Bột bó 15cm*2,7m	Cuộn	1,000
4	N02.01.010	Băng thun 7.5cmx4.5m	Cuộn	700
5	N02.01.020	Băng thun 10cm x 4.5m (băng thun 3 móc)	Cuộn	1,000
6	N02.01.030	Băng thun có keo cố định khớp 10cm * 4,5m	Cuộn	10
7	N02.01.040	Băng cuộn y tế 0,09m x 2,5m	Cuộn	5,000
8	N02.01.040	Băng keo cá nhân (20mm x 60 mm)	Miếng	70,000
9	N02.01.040	Băng cuộn lụa 2,5cm x 5m	Cuộn	5,000
10	N08.00.030	Băng keo chỉ thị nhiệt	Cuộn	30
11	N02.02.020	Gạc y tế 0.8m	Mét	3,500
12	N02.03.020	Gạc y tế tiệt trùng 5cm x 6.5cm x 12 lớp	Miếng	3,600
13	N02.03.020	Gạc phẫu thuật vô trùng 10x10cmx12 lớp	Miếng	3,000
14	N02.04.040	Miếng cầm máu mũi	Miếng	100
15	N01.01.010	Bông y tế thấm nước	Kg	350
16	N01.01.010	Bông (gòn) không thấm nước	Kg	20
17	N01.01.010	Bông (gòn) 100gr	Gói	100
18	N01.01.020	Que gòn tiệt trùng	Que	500
19	N08.00.310	Mask phun khí dung các size	Bộ	1,100

Stt	Mã VTYT theo TT04	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng
20	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch 60 giọt/ml, có bầu lọc	Sợi	300
21	N04.02.060	Dây hút nhớt có nắp	Cái	400
22	N04.03.030	Dây oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	Cái	4,500
23	N08.00.310	Mặt nạ thở oxy, có mask, có túi	Cái	600
24	N03.05.010	Dây truyền dịch	Bộ	7,000
25	N03.07.060	Túi nước tiểu có val T + dây treo	Cái	400
26	N04.01.090	Sonde Nelaton (hoặc tương đương)	Cái	400
27	N04.01.090	Ống Sonde dạ dày các số	Cái	300
28	N04.01.090	Sonde foley 2 nhánh	Cái	600
29	N03.07.020	Túi Đo Khối Lượng Máu Sau Sinh	Cái	250
30		Gạc lưới Lipido-colloid 10cm x 10cm	Miếng	500
31	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 30cm x 4 lớp (1000 miếng/50 gói)	Miếng	5,000
32	N02.03.020	Gạc tiệt trùng 8cm*10cm, 12 lớp (gói 10 miếng)	Miếng	3,300
33	N03.02.060	Kim rút thuốc G18 x 1 1/2	Cây	45,000
34	N03.01.010	Bơm cho ăn 50ml	Cái	300
35	N03.01.020	Bơm tiêm nhựa 50 tiêm	Cái	300
36	N03.01.040	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động 50ml	Cái	2,200
37	N03.05.050	Dây nối bơm tiêm tự động 75cm	Cái	2,200
38	N03.01.060	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	Cái	100,000
39	N03.01.070	Bơm tiêm 1ml kim các cỡ	Cái	10,000
40	N03.01.070	Bơm tiêm 3 ml các cỡ	Cái	40,000
41	N03.01.070	Bơm tiêm 5 ml các cỡ	Cái	40,000
42	N03.01.070	Bơm tiêm 10ml các cỡ	Cái	40,000

Stt	Mã VTYT theo TT04	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng
43	N03.01.070	Bơm tiêm 20ml các cỡ	Cái	2,500
44	N03.05.010	Kim bướm	Bộ	300
45	N03.02.030	Lancet lấy máu	Cây	10,000
46	N03.02.070	Kim luồn mạch máu số 22	Cái	6,000
47	N03.02.070	Kim luồn mạch máu số 24	Cái	10,000
48	N03.02.090	Nút chặn kim luồn	Cái	1,000
49	N03.04.010	Kim châm cứu 0.25 x 25 mm	Cái	210,000
50	N03.04.010	Kim châm cứu 0.3 x 75 mm	Cái	20,000
51	N05.02.030	Chỉ nylon 2/0, 75cm kim tam giác	Sợi	700
52	N05.02.030	Chỉ nylon 3/0, 75cm kim tam giác	Sợi	1,500
53	N05.02.030	Chỉ Nylon 4/0 kim tam giác 18mm	Sợi	700
54	N05.02.030	Chỉ nylon 5/0 kim tam giác	Sợi	200
55	N05.02.030	Chỉ nylon 6/0, 75cm kim tam giác	Sợi	100
56	N05.02.030	Chỉ Silk 2/0	Tép	300
57	N05.02.030	Chỉ Silk 3/0 kim tam giác	Sợi	400
58	N05.02.050	Chỉ Chromic Catgut 1 kim tròn 75cm, C50A50	Sợi	280
59	N05.02.050	Chỉ catgut 2/0 kim tam giác C30E24	Sợi	120
60	N05.02.050	Chỉ catgut 3/0 kim tam giác C25E26	Sợi	240
61	N05.02.050	Chỉ Chromic Catgut 4/0 kim tam giác 16mm	Sợi	480
62	N08.00.260	Kẹp rốn	Cái	200
63	N07.06.050	Đai Desaul các size	Cái	150
64	N07.06.050	Đai xương đòn các số	Cái	200
65	N07.06.050	Nẹp vải căng bàn chân các số	Cái	200
66	N07.06.050	Nẹp vải căng tay trái, phải các số	Cái	200

Stt	Mã VTYT theo TT04	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng
67	N07.06.050	Nẹp chống xoay cẳng chân	Cái	80
68	N07.06.050	Nẹp cổ cứng các số	Cái	70
69	N07.06.050	Nẹp nhôm ngón tay các số	Cái	100
70	N07.06.050	Nẹp đùi Zimmer (hoặc tương đương) các số	Cái	130
71	N07.06.050	Nẹp cột sống thắt lưng các số	Cái	120
72	N07.06.050	Nẹp vải cánh bàn tay	Cái	10
73	N07.06.050	Nẹp Iseline	Cái	100
74	N07.06.050	Nẹp vải ôm ngón tay	Cái	100
75	N03.06.020	Găng tay dài sản khoa	Đôi	700
76	N03.06.020	Găng phẫu thuật chưa tiệt trùng	Đôi	15,000
77	N03.06.030	Găng tay y tế các size	Đôi	200,000
78	N03.06.050	Găng tay tiệt trùng số 7, 7.5	Đôi	7,000
79	N08.00.190	Đầu col xanh	Cái	5,000
80	N08.00.190	Đầu col vàng có khóa, không khóa	Cái	18,000
81	N03.07.070	Ống nghiệm nhựa EDTA	ống	30,000
82	N03.07.070	Ống nghiệm chống đông Heparin	ống	20,000
83	N03.07.070	Ống nghiệm Serum	ống	10,000
84	N03.07.070	Ống nghiệm Chimigly	Ống	18,000
85	N03.07.070	Ống nghiệm Citrate	Ống	2,400
86	N03.07.070	Tuýp huyết thanh	cái	3,000
87		Test kiểm tra hóa học- Kích thước: 22mm x 57mm	Test	4,000
88		Gói thử Bowie Dick kiểm tra chất lượng lò tiệt khuẩn. Kích thước: 11.5cm x 11.5cm	Test	500
89		Gel siêu âm	Can	35

Stt	Mã VTYT theo TT04	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng
90		Gel điện tim	Chai	20
91		Giấy điện tim 3 cần 63*100*30	Cuộn	300
92		Giấy điện tim (110*140*200) có ô	Xấp	900
93		Giấy điện tim 80mm x20m	Cuộn	200
94		Giấy in siêu âm	Cuộn	300
95		Giấy monitor sản khoa	Xấp	10
96	N08.00.250	Miếng dán điện cực	Miếng	1,400
97		Test thử đường huyết	Test	15,000
98		Lam kính nhám	Hộp	20
99		Lam kính trơn	Hộp	20
100	N03.07.070	Lọ đựng bệnh phẩm	Lọ	7,000
101	N04.01.010	Airway nhựa các cỡ	Cái	200
102	N08.00.240	Đè lưới 1 lần	Hộp	360
103		Bóp bóng các size	Cái	30
104	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Cái	350
105	N05.03.080	Dao mổ các số	Cái	10,000
106		Máy đo huyết áp nhi	Cái	30
107		Máy đo huyết áp điện tử	Chiếc	20
108		Huyết áp người lớn	Cái	50
109		Ống nghe tim phổi	Cái	40
110		Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	1,000
111		Giấy y tế	kg	350
112		Dây garo	Cái	300
113		Bộ đồng hồ oxy	Bộ	50

Stt	Mã VTYT theo TT04	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng
114	N04.02.050	Ống hút điều kinh tiết trùng (nhỏ)	Cái	700
115	N04.02.050	Ống hút điều kinh tiết trùng (trung)	Cái	100
116	N04.02.050	Bộ hút thai Karman	Bộ	100
117	N01.02.030	Dung dịch pha sẵn Ortho- Phthalaldehyde 0,55% - OPA khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội khoa, ngoại khoa, dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt	Can	3
118	N01.02.040	Dichloro-isocyanurate Anhydrou 2.5g (Viên khử khuẩn)	Viên	1,500
119	N01.02.030	Didecyldimethylammonium chloride + Chlorhexidine digluconate (Dung dịch ngâm dụng cụ), chai 1 lít	Lít	160
120	N01.02.030	Dung dịch tẩy rửa trang thiết bị y tế hỗn hợp 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase	Chai	200
121	N01.02.050	Glutaraldehyde 2%	Lít	320
122	N01.02.010	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chai	600
123	N01.02.010	Cồn 70 độ	Lít	400
124	N01.02.010	Dung dịch rửa tay thủ thuật, thường quy Chlohexidine Gluconate 2%, chai 500 ml	Chai	600
125	N01.02.020	Dung dịch Povidone Iodine 10% chai 500ml	Chai	500
126	N03.07.030	Túi cuộn tiết trùng dẹp 150mm*200m	Cuộn	16
127	N03.07.031	Túi ép dẹp 200mm x 200m	Cuộn	13
128	N03.07.032	Túi ép tiết trùng loại dẹp 250mm x 200m.	cuộn	7
129	N03.07.033	Túi cuộn tiết trùng dẹp 300mm*200m	Cuộn	4
130		Tạp dề ny lon	Cái	300
131	N03.07.070	Ống ly tâm Hematocric	Lọ	2
132		Bình hủy kim 6,8ml	Cái	30
133		Que thử nước tiểu 13 thông số	Hộp	30

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Khoa Dược – trang thiết bị - vật tư y tế, Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ

Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 72 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng hợp lệ của Trung tâm và 24h trong trường hợp khẩn cấp

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: Không áp dụng.

- Điều kiện thanh toán:

+ Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

+ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

+ Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hóa đơn chứng từ thanh toán hợp lệ.

5. Bảng báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm.

6. Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (bằng tiếng Việt) (nếu có)

7. Các thông tin khác (nếu có).

Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ kính mời các công ty/ đơn vị/ nhà cung ứng báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp các đơn vị./.

Nơi nhận:

-Nhu trên;

-Web TTYT Tân Trụ;

-Web Sở Y tế Long An;

-Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Tạ Ngọc Ân

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

.....,

ngày.....tháng.....năm.....

nhà cung cấp⁽¹⁵⁾

(nếu có)

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,

(ký tên, đóng dấu

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính của từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá kê khai tương ứng với từng thiết bị y tế.

(15) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.